

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DS-PT.

Ngày: 03-8-2017

“V/v tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng
Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh -Thư ký TAND tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Minh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2016/TLPT-DS ngày 01/12/2016 về tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất.

Do bản dân sự số 38/2016/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27a/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T; Trú tại: Xóm 1B, xã H, huyện H1, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Anh Trần Cao L;
2. Chị Mai Thị T1;

Cùng trú tại: Xóm 1B, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định “ được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/7/2017”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Văn N, Luật sư văn phòng luật sư Trần N và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

- Bị đơn:** 1. Ông Trần Văn H;
2. Bà Nguyễn Thị G;

Cùng trú tại: Xóm 1B, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị T2; Trú tại: Xóm 6C, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Ông Trần Cao Nh; ĐKNK: Xóm 1B, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;
Tạm trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Vũ Thị L1 (tức N1); ĐKNK: Xóm 1B, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định;
Chỗ ở: Số nhà 50/B3 ấp P, xã P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh L, chị T1, ông N, ông H, bà G có mặt. Vắng mặt ông NH, bà L1, bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Bố đẻ bà là cụ Trần Văn Đ chết năm 1981. Năm 1989 cụ Trần Thị Đ chuyển nhượng cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G là cháu họ, một phần thổ đất diện tích 1.185m² có cạnh phía Tây giáp thổ đất hộ cụ K là một cái rãnh chạy thẳng từ phía Bắc ra đến sân, giữa thổ cụ K và thổ ông H bà G có ngõ đi chung mỗi gia đình 1/2, cạnh phía Bắc giáp nương dài 19m, cạnh phía Nam giáp đường trục xóm 17m. Sau khi, nhận chuyển nhượng ông H bà G làm nhà ở và đi chung ngõ với gia đình cụ K, khi cụ Đ bà chết hai bên không có tranh chấp gì. Năm 1997 gia đình ông H và gia đình cụ K xảy ra mâu thuẫn, gia đình cụ K sử dụng toàn bộ ngõ đi chung, không cho ông H bà G đi chung ngõ. Nên ông H bà G đổ thêm đất vào bờ ao giáp thổ đất của cụ Đ (nay thổ đất do bà quản lý) làm ngõ đi riêng.

Năm 1997 cụ Trần Thị Đ chết, do bà không đi xây dựng gia đình riêng ở chung với bố mẹ, nên trước khi chết, cụ Đ nói miệng không có văn bản giấy tờ để lại cho bà sử dụng thổ đất diện tích 875m² tại thửa 296 tờ bản đồ số 5 xã H1, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Đ bà. Nay anh em trong gia đình đều nhất trí, đề cho bà quản lý sử dụng nhà đất của các cụ để lại. Do điều kiện kinh tế khó khăn bà chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Năm 2000 cụ K chuyển nhượng toàn bộ thổ đất, cho con dâu là chị Vũ Thị L1 (tức N1). Năm 2014 ông H bà G xây cổng, đổ bê tông ngõ đi giáp thổ đất cụ Đ và xây tường bao cao 1,8m, đoạn từ bờ ao chạy ra cổng giăng lưới B40 không đúng mốc giới lấn sang đất gia đình bà, chiều cạnh phía Nam giáp đường dong xóm 1,2m, chiều dài Nam Bắc tính từ giáp đường dong xóm đến phần bếp và công trình phụ gia đình ông H dài 24m. Do khi nhận chuyển nhượng ông H bà G có 1/2 ngõ đi chung với hộ cụ K, khi mở ngõ mới thì 1/2 ngõ của gia đình ông H vẫn nằm trong thổ chị L là con dâu cụ K quản lý sử dụng. Bà nhiều lần ý kiến với

ông H bà G về việc lấn chiếm này, nhưng ông H bà G không có ý kiến gì. Bà khởi kiện buộc ông H bà G phải trả lại cho gia đình bà phần diện tích đất lấn chiếm ở chiều cạnh phía Nam nêu trên.

Theo kết quả khảo sát thực địa, ông H bà G đang sử dụng cạnh phía Bắc là 20m, trong khi đó cụ Đ bà, chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng ông H là 19m. Nên tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2016 bà bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu ông H bà G phải trả lại cho gia đình bà cạnh phía Bắc là 1m.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G trình bày:

Năm 1989 ông bà mua nhà, đất của cụ Trần Thị Đ. Việc chuyển nhượng có giấy tờ, có tiến hành đo nhận mô mốc, có bà Đ ký và con trai là anh Nh, con gái cả ký, có đóng dấu xác nhận của UBND xã H1. Khi giao đất chiều Nam Bắc không kéo dây vì vướng bờ mây, bụi hóp và hàng tre ở phía Nam bờ ao nên không được thẳng. Cũng trong năm 1989, ông bà ngăn ao giữa hai nhà và trồng hai hàng cau. Sau khi, nhận chuyển nhượng đất, ông bà đi chung ngõ phía Tây với gia đình cụ K, nhưng do việc đi lại không thuận tiện, ông bà làm ngõ đi riêng ở phía Đông giáp với đất cụ Đ, ngõ đi chung với cụ K đã phân chia mỗi người 1/2. Ông bà và cụ K, đã xác định phân chia mốc giới đúng với mốc giới, khi cụ Đ bàn giao đất. Từ đó, cho đến nay, mốc giới giữa thổ đất của ông bà và mốc giới thổ đất của bà L1 là con dâu cụ K sử dụng không có tranh chấp gì.

Năm 1992 đoàn đo đạc về đo để cấp sổ đỏ, ông bà và gia đình bà T, gia đình cụ K đã ký vào sổ điền cạnh, xác nhận diện tích thổ đất của gia đình mình, các hộ đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng mô mốc chiều cạnh và diện tích sử dụng.

Năm 2014 do phong trào nông thôn mới, đường dong xóm được mở rộng, ông bà chặt hàng cau trồng từ năm 1989 để kè bờ ao, xây tường rào và xây công, trước khi xây, ông bà mời cán bộ địa chính xã H1 đo xác định mốc giới đất giữa thổ đất ông bà và thổ đất gia đình bà T. Nhưng xây xong bà T cho rằng ông bà lấn chiếm đất, ở chiều cạnh phía Nam giáp đường trục xóm, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay ông bà không chấp nhận việc bà T khởi kiện, cho rằng ông bà lấn đất chiều cạnh phía Nam giáp đường dong xóm là 1,2m vì kết quả đo đạc thực tế ông bà vẫn sử dụng 17m theo như giấy chuyển nhượng của cụ Đ. Còn chiều cạnh phía Bắc thừa 1m, so với lúc chuyển nhượng, diện tích thừa là 31,5m², diện tích đất này ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cân đối đất ruộng 02 lúa ngoài đồng. Tại phiên hòa giải ngày 09/8/2016, ông bà nhất trí trả lại diện tích thừa này, cho gia đình bà T, nếu có công trình trên đất ông bà tự nguyện tháo dỡ và đề nghị địa phương cân đối lại ruộng 2 lúa cho ông bà. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 16/8/2016 bà T không nhất trí, nên ông bà không trả lại 1m đất ở phía Bắc nữa, mà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Bà Trần Thị T1 và ông Trần Cao Nh đều là con của cụ Đ, khẳng định nguồn gốc thửa đất hiện nay bà T quản lý, sử dụng là của bố mẹ ông bà để lại. Do bà T không xây dựng gia đình ở chung với bố mẹ, khi còn sống bố mẹ không lập thành văn bản di chúc mà chỉ nói miệng để lại nhà đất cho bà T, nên ông Nh, bà T1 đã làm biên bản nhất trí cho bà T toàn quyền sử dụng nhà, đất của bố mẹ để lại. Nay bà T khởi kiện tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất với ông H bà G. Ông Nh, bà T1 ủy quyền cho bà T toàn quyền quyết định giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà Vũ Thị L1 (tức N1) trình bày:

Ngõ đi của gia đình bà lúc ông H mua nhà đất của ông Nh khá rộng, hai bên là hai ao, phía bên gia đình bà là trồng rừng ổi Vân Nam, phía bên gia đình ông Nh là trồng rừng tre ăn khá rộng. Ông H đi chung ngõ với cụ K (bố chồng bà) một thời gian. Sau đó, ngăn ao giữa ông H và bà T, ông H không đi chung ngõ với gia đình bà nữa, còn rừng tre ở ngõ đi chung ông H đã đào khoét hết phần đất ngõ đi chung, đưa vào lối đi hiện nay và bỏ xuống làn ao cây khoai nước, nên ngõ đi chung giữa hai gia đình chỉ còn lại ngõ của gia đình bà sử dụng cho đến bây giờ. Năm 2000 cụ K chuyển nhượng nhà đất cho bà, khi giao giấy tờ, chồng tiền có mặt ông H, bà T không ai có ý kiến gì, bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/02/2006. Sau khi mua đất, bà đã chặt hàng ổi cạp ngõ rộng thêm ra và cấy hàng cau, hiện giờ toàn ngõ đổ bê tông. Mô mốc phía Tây thổ đất của bà và thổ đất ông P không có tranh chấp gì. Bà T cho rằng ngõ bà đang quản lý có 1/2 ngõ của gia đình ông H là không đúng mà là ngõ riêng của gia đình bà.

Tại bản án số 38/2016/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Áp dụng Điều 265, 266 BLDS, Điều 131 BLTTDS, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án đã quyết định.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là hợp pháp.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đòi hộ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G trả lại phần diện tích đất lấn chiếm mốc giới ở chiều cạnh phía Nam giáp đường trục xóm rộng 1,2m, chiều dài Nam Bắc tính từ giáp đường trục xóm 24,5m diện tích 14,7m².

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm tháo dỡ công trình để trả lại cho gia đình bà Trần Thị T sử dụng 31,8m² chiều cạnh phía Bắc 1m có tứ cận như sau: Chiều cạnh phía Đông giáp thổ đất ông Đăng, chiều cạnh phía Tây giáp thổ đất ông H bà G, chiều cạnh phía Bắc giáp nương, chiều cạnh phía Nam giáp đất ông H bà G. Có sơ đồ kèm theo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự và biện pháp thi hành án.

Ngày 07/10/2016 bà Trần Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 38/2016/DS-ST ngày 26/9/2016 của Tòa án huyện Hải Hậu với nội dung:

Năm 1989 gia đình bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông H bà G 2/3 khuôn thổ, cạnh phía Tây giáp thổ đất cụ K mốc giới là một cái rãnh chạy thẳng từ Bắc ra tận đầu sân, từ đầu sân ra tận đường là ngõ đi chung của hai nhà. Phía Đông giáp phần đất còn lại bà T đang ở, giao thẳng từ Bắc ra cạnh đường xóm. Phía Nam rộng 17m, phía Bắc rộng 19m. Mốc giới phía Tây giáp thổ cụ K hiện tại còn nguyên vẹn, theo bản đồ năm 1985-1996 là một đường thẳng. Đề nghị Tòa án tỉnh xem lại mốc Tây cho gia đình bà, đo cho ông H phía Nam 17m, phía Bắc 19m như giấy chuyển nhượng đất năm 1989. Tòa án Hải Hậu buộc vợ chồng ông H trả lại cho bà 1m đất phía sau nhà bà không nhất trí, bà không khởi kiện đòi đất sau nhà. Nay đề nghị Tòa án tỉnh Nam Định giải quyết yêu cầu vợ chồng ông H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm là 1,2m thờ cúng liệt sỹ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T trình bày:

Căn cứ vào lời trình bày của bà T, ông H bà G và những người làm chứng đều xác nhận ông H bà G sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất của cụ Đ bà có đi chung ngõ với cụ K, nên mỗi người được sử dụng 1/2 ngõ là phù hợp. Theo đơn xin bán nhà và nhượng đất ngày 20/9/1989 cụ Đ chuyển nhượng cho ông H chiều cạnh phía Bắc là 19m và mốc giới giữa thổ đất bà T quản lý và thổ đất của ông H bà G là đường thẳng. Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2017 gia đình ông H bà G sử dụng 20,2m, do vậy ông H bà G đã lấn chiếm chiều cạnh phía Nam là 1,2m và hiện tại mốc giới thổ đất giữa hai nhà không thẳng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H bà G trả lại 1,2m đất phía Bắc cho gia đình bà T và xác định mốc giới giữa thổ đất bà T quản lý và thổ đất của ông H bà G là đường thẳng.

Ngày 22/5/2017 Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ đã đóng đinh xác định mốc giới ở giữa ngõ cụ K (bà L1) và ông H bà G. Cấp sơ thẩm đã bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Vũ Thị L1(tức N1) và không đưa Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không đúng. Do ông H bà G lấn chiếm đất của cụ Đ và ông H bà G đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông H bà G.

Kiểm sát viên-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án: Theo giấy chuyển nhượng nhà đất và bản đồ qua các thời kỳ thì đất cụ Đ chuyển nhượng cho gia đình ông H cạnh phía Nam là 17m, theo kết quả đo đạc khảo sát thực tế thổ đất gia đình ông H có cạnh phía Nam là 17m nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc đòi ông H phải trả 1,2m phía Nam chạy dài 24m là có cơ sở. Theo giấy chuyển nhượng nhà đất và các bản đồ thì ranh giới thửa đất của ông H và bà T giáp nhau là đường

thăng kéo dài từ Nam đến Bắc, nhưng án sơ thẩm xác định là hai đoạn thăng, đề nghị Hội đồng xét xử xác định mốc giới đất hộ ông H bà G từ giáp đất bà L1 sang phía bà T cạnh Nam là 17m, phía Bắc là 19m và kéo thăng Nam Bắc. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà Trần Thị T:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Cao Nh và bà Vũ Thị L1 (tức N1) có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh và bà L1.

[2] Về việc cấp sơ thẩm không đưa bà L1 và Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm bà L1 có mặt đã trình bày quan điểm về giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà L1 đã có lời khai xác định ranh giới giữa thổ đất của gia đình bà với thổ đất của ông H bà G không có tranh chấp, quyền lợi của bà đã được bảo đảm và bà nhất trí tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án từ cấp phúc thẩm, do vậy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để đưa bà L1 tham gia tố tụng trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu giải quyết về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà chỉ khởi kiện yêu cầu giải quyết về mốc giới quyền sử dụng đất, nên cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Thổ đất bà Trần Thị T đang quản lý có nguồn gốc, của bố mẹ để lại, ngày 25/12/1996 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trần Thị Đ có diện tích 875m² thuộc thửa 296 tờ bản đồ số 5 xã H1. Thổ đất của ông H bà G có nguồn gốc, nhận chuyển nhượng của cụ Đ bà từ năm 1989, ngày 25/12/1996 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trần Văn H diện tích 1.185m² thuộc thửa 295 tờ bản đồ số 5 xã H1. Thổ đất của ông H bà G phía Tây giáp với thổ đất của cụ K trước kia nay là thổ đất của bà Vũ Thị L1 (tức N1). Bà T khai năm 1989, cụ Đ bà chuyển nhượng nhà đất cho ông H có 1/2 ngõ đi chung với gia đình cụ K. Ông H khai có đi chung ngõ với cụ K một thời gian, sau đó mở ngõ đi riêng ở phía Đông giáp thổ đất bà T, ngõ đi chung với cụ K đã phân chia mỗi người 1/2. Bà L1 khai ông H bà G có đi chung ngõ với gia đình cụ K. Sau đó, ông H mở ngõ đi riêng giáp thổ đất bà T đang quản lý, ông H đã đào khoét hết phần đất ngõ đi chung, đưa vào lỏi đi hiện nay và bỏ xuống làn ao cây khoai nước, nên chỉ còn lại ngõ của gia đình bà L1. Sau đó, bà L1 đã mở rộng ngõ và đổ bê tông. Những người làm chứng đều khai trước kia cụ Đ và cụ K có đi chung ngõ. Sau đó, gia đình cụ Đ chuyển nhượng một phần đất cho ông H bà G, còn cụ K chuyển nhượng nhà đất cho bà L1 là con dâu. Đến nay, các gia đình bà L1, gia đình ông H, gia đình bà T đã xây dựng

công trình, hiện trạng thổ đất đã thay đổi, không còn nguyên trạng, nên không thể chỉ tại thực địa phần ngõ đi chung giữa cụ K và cụ Đ trước đây.

[4] Kết quả thăm định tại chỗ ngày 22/5/2017 phản ánh thổ đất của gia đình bà T, liền kề với ruộng hai lúa của bà T, nên chiều cạnh phía Nam không xác định được điểm mốc giới giữa thổ đất và ruộng lúa. Quá trình tiến hành thăm định tại chỗ bà T, ông Nh, ông H bà G đều có mặt nhưng không thống nhất được điểm mốc giới phía Nam giữa thổ đất của bà L1 và thổ đất của ông H bà G trước kia. Do vậy, không thể đo cạnh phía Nam thổ đất của ông H bà G là 17m theo như giấy nhà nhượng đất năm 1989 giữa cụ Đ bà và ông H được. Thổ đất của gia đình ông Phạm Văn P giáp với thổ đất của bà L1, hai bên đều xác nhận mốc giới không thay đổi và không có tranh chấp. Do vậy, lấy điểm mốc giới giữa thổ đất của gia đình ông P và thổ đất của bà L1 ở cạnh phía Nam, đo về phía Đông chiều cạnh phía Nam thổ đất của bà L1 để xác định điểm mốc giới giữa thổ đất của bà L1 và thổ đất của ông H bà G. Từ điểm mốc này đo cạnh phía Nam về phía thổ đất do bà T quản lý (phía Đông) là 17m, xác định điểm mốc giới giữa thổ đất của ông H bà G và thổ đất của gia đình bà T. Theo giấy nhượng nhà đất năm 1989 cụ Đ bà chuyển nhượng cho ông H chiều cạnh phía Nam 17m, kết quả thăm định tại chỗ ông H bà G vẫn sử dụng 17m, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T cho rằng gia đình ông H bà G đã lấn chiếm chiều cạnh phía Nam là 1,2m dài 24,5m.

[5] Mốc giới phía Tây giữa thổ đất của bà L1 và thổ đất của ông H bà G không thay đổi và không có tranh chấp. Bà L1 và ông H bà G đều xác định được điểm mốc giới phía Bắc giữa thổ đất của bà L1 và thổ đất của ông H bà G. Lấy điểm mốc giới này, đo cạnh phía Bắc thổ đất của ông H bà G đang sử dụng là 20,2m (theo kết quả thăm định tại chỗ ngày 22/5/2017), nhưng tại giấy nhượng nhà đất 1989 cụ Đ bà chỉ chuyển nhượng cho ông H 19m. Do vậy, ông H bà G đang sử dụng đất chiều cạnh phía Bắc thừa là 1,2m. Tính từ điểm mốc giới cạnh phía Nam giữa thổ đất của gia đình bà T với thổ đất của ông H bà G kéo thẳng tới điểm mốc giới cạnh phía Bắc tại điểm mốc 1,2m, chiều dài Nam Bắc 63,6m thì ông H bà G đang sử dụng diện tích lấn sang đất của gia đình bà T là 38,1m². Theo giấy nhượng nhà đất 1989 giữa cụ Đ bà và ông H thì ranh giới giữa thổ đất của cụ Đ và thổ đất của ông H là đường thẳng, do vậy xác định mốc giới giữa thổ đất của ông H bà G và thổ đất của gia đình bà T là đoạn thẳng kéo từ điểm mốc giới phía Nam đến điểm mốc giới phía Bắc chiều dài Nam Bắc là 63,6m. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H bà G nhất trí trả lại 38,1m² đất cho gia đình bà T, nếu có vướng vào công trình của ông H bà G xây dựng, thì ông H bà G tự nguyện tháo dỡ các công trình để trả lại đất cho gia đình bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ngày 22/5/2017 Tòa án đã đóng đinh xác định mốc giới giữa ngõ của cụ K (bà L1) và H G. Xét thấy, Tòa án không có chức năng thi hành bản án mà chỉ có chức năng thu thập tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án. Ngày 22/5/2017 Tòa án tỉnh Nam Định tiến

hành thẩm định tại chỗ, tại thửa đất đang có tranh chấp về mốc giới quyền sử dụng đất là do ngày 25/4/2017 bà Trần Thị T có đơn đề nghị. Việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2017 của Tòa án có sự tham gia của: Đại diện Ủy ban nhân dân xã H1; Đại diện Công an xã H1; Trưởng xóm 1b xã H1 và các đương sự. Việc thẩm định tại chỗ đã được phản ánh cụ thể chi tiết tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2017. Do vậy, Hội đồng xét xử khẳng định không có căn cứ xác định ngày 22/5/2017 Tòa án đóng đinh xác định mốc giữa ngõ của cụ K (bà L1) như lời trình bày của Luật sư và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[7] Do sửa án án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T. Sửa án sơ thẩm về việc xác định mốc giới chiều cạnh Nam Bắc giữa thổ đất của gia đình bà Trần Thị T với thổ đất của ông Trần Văn H và Nguyễn Thị G và diện tích đất ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G lấn ở cạnh phía Bắc.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Điều 265, Điều 266 BLDS năm 2005. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đòi ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G trả lại diện tích đất lấn chiếm ở chiều cạnh phía Nam giáp đường trục xóm rộng 1,2m, chiều dài Nam Bắc tính từ giáp đường trục xóm 24,5m diện tích 14,7m².

Xác định điểm mốc giới giữa thổ đất của gia đình bà Trần Thị T và thổ đất của ông Trần Văn H và Nguyễn Thị G thuộc cạnh phía Nam giáp đường dọc xóm như sau:

Lấy điểm mốc giới giữa thổ đất của ông Phạm Văn P và Lương Thị N2 và thổ đất của bà Vũ Thị L1 tại cạnh phía Nam giáp đường dọc xóm là điểm mốc giới A. Từ điểm mốc giới A đo về phía thổ đất của gia đình bà T quản lý (phía Đông) dài 17,6m, xác định điểm mốc giới giữa thổ đất của bà L1 và thổ đất của ông H và G là điểm mốc giới B; Từ điểm mốc giới B đo tiếp về phía thổ đất của gia đình bà T (phía Đông) dài 17m, xác định điểm mốc giới giữa thổ đất của ông H và G và thổ đất của gia đình bà T là điểm mốc giới C.

Xác định mốc giới giữa thổ đất của ông H bà G và thổ đất của gia đình bà T quản lý như sau:

Lấy điểm mốc giới giữa thổ đất của bà L1 và thổ đất của ông H bà G tại cạnh phía Bắc là điểm mốc giới H, từ điểm mốc giới H đo về phía thổ đất của gia đình bà T (phía Đông) dài 19m, xác định điểm mốc giới giữa thổ đất của ông H bà G với thổ đất của gia đình bà T là điểm mốc giới K. Nối điểm mốc giới C thuộc cạnh phía Nam với điểm mốc giới K thuộc cạnh phía Bắc. Đoạn thẳng CK là mốc giới giữa thổ đất của ông H bà G và thổ đất của gia đình bà T. Có sơ đồ kèm theo.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm tháo dỡ các công trình xây dựng trên 38,1m² đất để trả lại cho gia đình bà Trần Thị T 38,1m² đất có vị trí cạnh phía Bắc dài 1,2m, hai cạnh Nam Bắc dài 63,6m.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị T không phải nộp hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai số 08729 ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp 200.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai số 08642 ngày 02/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục thi hành án DS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu